FXTRAP

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

S2

EA version 1.0

MỤC LỤC

1. Cài đặt
2. Giao diện
   2.1. Thông tin tài khoản
   2.2. Thông tin thị trường
   2.3. Thông tin lệnh
   2.4. Thông tin Symbol
   2.5. Thông tin Chart
3. Cài đặt thông số
   3.1. Thông số chung
   3.2. Thông số Symbol
   3.3. Thông số Chart
4. Cài đặt Chart
5. Cài đặt Symbol
6. Cài đặt Lệnh
   6.1. Cài đặt Lệnh Thường
   6.2. Cài đặt Lệnh Pending
   6.3. Cài đặt Lệnh Grid
   6.4. Cài đặt Lệnh Martingale
   6.5. Cài đặt Lệnh Hedge
7. Cài đặt Thoát lệnh
8. Cài đặt Bảo vệ
9. Cài đặt Thông báo
10. Cài đặt Giao diện

1. Cài đặt

Sau khi mua EA, bạn sẽ nhận được 1 file .ex5 và 1 file .chm

Bạn cần copy file .ex5 vào thư mục MQL5/Experts của MT5

Sau đó, bạn cần copy file .chm vào thư mục MQL5/Help của MT5

Để mở thư mục MQL5/Experts và MQL5/Help, bạn vào MT5 > File > Open Data Folder

2. Giao diện

2.1. Thông tin tài khoản

Thông tin tài khoản bao gồm: Balance, Equity, Profit, Free Margin, Margin Level

2.2. Thông tin thị trường

Thông tin thị trường bao gồm: Spread, Swap, Commission, Tick Value, Tick Size, Contract Size, Min Lot, Max Lot, Lot Step

2.3. Thông tin lệnh

Thông tin lệnh bao gồm: Ticket, Type, Lot, Symbol, Open Price, Open Time, Stop Loss, Take Profit, Profit, Swap, Commission, Comment

2.4. Thông tin Symbol

Thông tin Symbol bao gồm: Symbol, Bid, Ask, Spread, Swap, Commission, Tick Value, Tick Size, Contract Size, Min Lot, Max Lot, Lot Step

2.5. Thông tin Chart

Thông tin Chart bao gồm: Symbol, Timeframe, Bid, Ask, Spread, Swap, Commission, Tick Value, Tick Size, Contract Size, Min Lot, Max Lot, Lot Step

3. Cài đặt thông số

3.1. Thông số chung

Thông số chung bao gồm: Magic Number, Comment, Slippage, Max Spread, Max Lot, Min Lot, Lot Step

3.2. Thông số Symbol

Thông số Symbol bao gồm: Symbol, Bid, Ask, Spread, Swap, Commission, Tick Value, Tick Size, Contract Size, Min Lot, Max Lot, Lot Step

3.3. Thông số Chart

Thông số Chart bao gồm: Symbol, Timeframe, Bid, Ask, Spread, Swap, Commission, Tick Value, Tick Size, Contract Size, Min Lot, Max Lot, Lot Step

4. Cài đặt Chart

Cài đặt Chart bao gồm: Chart Type, Chart Scale, Chart Mode, Chart Foreground, Chart Shift, Chart Autoscroll, Chart Scale Fix, Chart Scale Fix 11, Chart Scale Fix 12, Chart Scale Fix 13, Chart Scale Fix 14, Chart Scale Fix 15, Chart Scale Fix 16, Chart Scale Fix 17, Chart Scale Fix 18, Chart Scale Fix 19, Chart Scale Fix 20, Chart Scale Fix 21, Chart Scale Fix 22, Chart Scale Fix 23, Chart Scale Fix 24, Chart Scale Fix 25, Chart Scale Fix 26, Chart Scale Fix 27, Chart Scale Fix 28, Chart Scale Fix 29, Chart Scale Fix 30, Chart Scale Fix 31, Chart Scale Fix 32, Chart Scale Fix 33, Chart Scale Fix 34, Chart Scale Fix 35, Chart Scale Fix 36, Chart Scale Fix 37, Chart Scale Fix 38, Chart Scale Fix 39, Chart Scale Fix 40, Chart Scale Fix 41, Chart Scale Fix 42, Chart Scale Fix 43, Chart Scale Fix 44, Chart Scale Fix 45, Chart Scale Fix 46, Chart Scale Fix 47, Chart Scale Fix 48, Chart Scale Fix 49, Chart Scale Fix 50, Chart Scale Fix 51, Chart Scale Fix 52, Chart Scale Fix 53, Chart Scale Fix 54, Chart Scale Fix 55, Chart Scale Fix 56, Chart Scale Fix 57, Chart Scale Fix 58, Chart Scale Fix 59, Chart Scale Fix 60, Chart Scale Fix 61, Chart Scale Fix 62, Chart Scale Fix 63, Chart Scale Fix 64, Chart Scale Fix 65, Chart Scale Fix 66, Chart Scale Fix 67, Chart Scale Fix 68, Chart Scale Fix 69, Chart Scale Fix 70, Chart Scale Fix 71, Chart Scale Fix 72, Chart Scale Fix 73, Chart Scale Fix 74, Chart Scale Fix 75, Chart Scale Fix 76, Chart Scale Fix 77, Chart Scale Fix 78, Chart Scale Fix 79, Chart Scale Fix 80, Chart Scale Fix 81, Chart Scale Fix 82, Chart Scale Fix 83, Chart Scale Fix 84, Chart Scale Fix 85, Chart Scale Fix 86, Chart Scale Fix 87, Chart Scale Fix 88, Chart Scale Fix 89, Chart Scale Fix 90, Chart Scale Fix 91, Chart Scale Fix 92, Chart Scale Fix 93, Chart Scale Fix 94, Chart Scale Fix 95, Chart Scale Fix 96, Chart Scale Fix 97, Chart Scale Fix 98, Chart Scale Fix 99, Chart Scale Fix 100

5. Cài đặt Symbol

Cài đặt Symbol bao gồm: Symbol, Bid, Ask, Spread, Swap, Commission, Tick Value, Tick Size, Contract Size, Min Lot, Max Lot, Lot Step

6. Cài đặt Lệnh

6.1. Cài đặt Lệnh Thường

Cài đặt Lệnh Thường bao gồm: Lot, Stop Loss, Take Profit, Comment

6.2. Cài đặt Lệnh Pending

Cài đặt Lệnh Pending bao gồm: Lot, Stop Loss, Take Profit, Comment, Pending Price, Pending Type

6.3. Cài đặt Lệnh Grid

Cài đặt Lệnh Grid bao gồm: Lot, Stop Loss, Take Profit, Comment, Grid Step, Grid Type

6.4. Cài đặt Lệnh Martingale

Cài đặt Lệnh Martingale bao gồm: Lot, Stop Loss, Take Profit, Comment, Martingale Step, Martingale Type

6.5. Cài đặt Lệnh Hedge

Cài đặt Lệnh Hedge bao gồm: Lot, Stop Loss, Take Profit, Comment, Hedge Step, Hedge Type

7. Cài đặt Thoát lệnh

Cài đặt Thoát lệnh bao gồm: Close All, Close Profit, Close Loss, Close Buy, Close Sell, Close Pending, Close Grid, Close Martingale, Close Hedge

8. Cài đặt Bảo vệ

Cài đặt Bảo vệ bao gồm: Max Drawdown, Max Daily Loss, Max Daily Profit, Max Weekly Loss, Max Weekly Profit, Max Monthly Loss, Max Monthly Profit

9. Cài đặt Thông báo

Cài đặt Thông báo bao gồm: Alert, Email, Push Notification, Sound, Alert Text, Email Text, Push Notification Text, Sound File

10. Cài đặt Giao diện

Cài đặt Giao diện bao gồm: Theme, Font, Font Size, Font Color, Background Color, Border Color, Border Width, Border Style

3.2. Các thông số của thiết bị (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem được các thông số của thiết bị như: Tên thiết bị, Số Serial, Phiên bản phần cứng, Phiên bản phần mềm, Thời gian hoạt động.

Thông số	Mô tả
Tên thiết bị	Tên của thiết bị. Bạn có thể đổi tên thiết bị bằng cách nhấn vào biểu tượng bút chì bên cạnh.
Số Serial	Số Serial của thiết bị.
Phiên bản phần cứng	Phiên bản phần cứng của thiết bị.
Phiên bản phần mềm	Phiên bản phần mềm của thiết bị.
Thời gian hoạt động	Thời gian thiết bị đã hoạt động kể từ lần khởi động gần nhất.

3.3. Thông tin mạng (Network)

Tại đây, bạn có thể xem được các thông số mạng của thiết bị như: Địa chỉ IP, Địa chỉ MAC, Tên Wi-Fi đang kết nối, Cường độ sóng Wi-Fi.

Thông số	Mô tả
Địa chỉ IP	Địa chỉ IP của thiết bị trong mạng.
Địa chỉ MAC	Địa chỉ MAC của thiết bị.
Tên Wi-Fi đang kết nối	Tên của mạng Wi-Fi mà thiết bị đang kết nối.
Cường độ sóng Wi-Fi	Cường độ sóng Wi-Fi hiện tại. Bạn có thể nhấn vào biểu tượng bên cạnh để xem chi tiết.

3.4. Cài đặt thời gian (Time)

Tại đây, bạn có thể cài đặt thời gian cho thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thời gian hiện tại	Thời gian hiện tại của thiết bị.
Đồng bộ thời gian với máy chủ	Bật để thiết bị tự động đồng bộ thời gian với máy chủ.
Múi giờ	Chọn múi giờ phù hợp với khu vực của bạn.
Định dạng thời gian	Chọn định dạng hiển thị thời gian (12 giờ hoặc 24 giờ).
Thời gian	Thời gian hiện tại của thiết bị.
Đồng bộ thời gian	Nhấn để đồng bộ thời gian với máy chủ.

3.5. Cài đặt Wi-Fi

Tại đây, bạn có thể cài đặt kết nối Wi-Fi cho thiết bị.

Thông số	Mô tả
Wi-Fi	Bật để thiết bị kết nối với mạng Wi-Fi.
Tên Wi-Fi	Tên của mạng Wi-Fi mà thiết bị đang kết nối.
Mật khẩu Wi-Fi	Mật khẩu của mạng Wi-Fi mà thiết bị đang kết nối.
Kết nối	Nhấn để kết nối với mạng Wi-Fi.
Quét mạng	Nhấn để quét các mạng Wi-Fi khả dụng.
Danh sách mạng	Danh sách các mạng Wi-Fi khả dụng.

3.6. Cài đặt Ethernet

Tại đây, bạn có thể cài đặt kết nối Ethernet cho thiết bị.

Thông số	Mô tả
Ethernet	Bật để thiết bị kết nối với mạng Ethernet.
Địa chỉ IP	Địa chỉ IP của thiết bị trong mạng Ethernet.
Địa chỉ MAC	Địa chỉ MAC của thiết bị.
Cấu hình mạng	Chọn cấu hình mạng (DHCP hoặc Tĩnh).
Địa chỉ IP tĩnh	Địa chỉ IP tĩnh của thiết bị trong mạng Ethernet.
Subnet Mask	Subnet Mask của mạng Ethernet.
Gateway	Gateway của mạng Ethernet.
DNS	Địa chỉ DNS của mạng Ethernet.

3.7. Cài đặt Bluetooth

Tại đây, bạn có thể cài đặt kết nối Bluetooth cho thiết bị.

Thông số	Mô tả
Bluetooth	Bật để thiết bị kết nối với các thiết bị Bluetooth.
Tên thiết bị	Tên của thiết bị Bluetooth mà thiết bị đang kết nối.
Trạng thái kết nối	Trạng thái kết nối của thiết bị Bluetooth.
Quét thiết bị	Nhấn để quét các thiết bị Bluetooth khả dụng.
Danh sách thiết bị	Danh sách các thiết bị Bluetooth khả dụng.

3.8. Cài đặt Âm thanh

Tại đây, bạn có thể cài đặt âm thanh cho thiết bị.

Thông số	Mô tả
Âm lượng	Điều chỉnh âm lượng của thiết bị.
Tắt tiếng	Bật để tắt tiếng thiết bị.
Thiết bị đầu ra	Chọn thiết bị đầu ra âm thanh (Loa ngoài, Tai nghe, Bluetooth).
Thiết bị đầu vào	Chọn thiết bị đầu vào âm thanh (Micro, Bluetooth).
Âm thanh thông báo	Bật để phát âm thanh thông báo khi có sự kiện.
Âm thanh cảnh báo	Bật để phát âm thanh cảnh báo khi có sự kiện.
Âm thanh nhấn phím	Bật để phát âm thanh khi nhấn phím.

3.9. Cài đặt Màn hình

Tại đây, bạn có thể cài đặt màn hình cho thiết bị.

Thông số	Mô tả
Độ sáng	Điều chỉnh độ sáng của màn hình.
Tự động điều chỉnh độ sáng	Bật để tự động điều chỉnh độ sáng theo môi trường.
Thời gian chờ màn hình	Thời gian chờ trước khi màn hình tắt (15 giây, 30 giây, 1 phút, 2 phút, 5 phút, Không bao giờ).
Chế độ màn hình	Chọn chế độ màn hình (Sáng, Tối, Tự động).
Xoay màn hình	Chọn hướng xoay màn hình (0°, 90°, 180°, 270°).

3.10. Cài đặt Ngôn ngữ

Tại đây, bạn có thể cài đặt ngôn ngữ cho thiết bị.

Thông số	Mô tả
Ngôn ngữ	Chọn ngôn ngữ hiển thị của thiết bị (Tiếng Việt, English, 中文, 日本語, 한국어, ...).
Định dạng ngày tháng	Chọn định dạng hiển thị ngày tháng (DD/MM/YYYY, MM/DD/YYYY, YYYY/MM/DD).
Định dạng số	Chọn định dạng hiển thị số (1,234.56 hoặc 1.234,56).

3.11. Cài đặt Bảo mật

Tại đây, bạn có thể cài đặt bảo mật cho thiết bị.

Thông số	Mô tả
Khóa màn hình	Bật để khóa màn hình khi không sử dụng.
Mã PIN	Mã PIN để mở khóa màn hình.
Thay đổi mã PIN	Nhấn để thay đổi mã PIN.
Thời gian khóa màn hình	Thời gian chờ trước khi màn hình khóa (15 giây, 30 giây, 1 phút, 2 phút, 5 phút, Không bao giờ).
Khóa thiết bị	Nhấn để khóa thiết bị ngay lập tức.

3.12. Cài đặt Cập nhật

Tại đây, bạn có thể cài đặt cập nhật cho thiết bị.

Thông số	Mô tả
Phiên bản hiện tại	Phiên bản phần mềm hiện tại của thiết bị.
Kiểm tra cập nhật	Nhấn để kiểm tra cập nhật phần mềm mới.
Tự động cập nhật	Bật để tự động cập nhật phần mềm khi có bản cập nhật mới.
Thời gian cập nhật	Thời gian thực hiện cập nhật tự động (Ngay lập tức, 1 giờ, 2 giờ, 3 giờ, 4 giờ, 5 giờ, 6 giờ).
Cập nhật ngay	Nhấn để cập nhật phần mềm ngay lập tức.

3.13. Cài đặt Khôi phục

Tại đây, bạn có thể cài đặt khôi phục cho thiết bị.

Thông số	Mô tả
Khôi phục cài đặt gốc	Nhấn để khôi phục cài đặt gốc cho thiết bị.
Xóa dữ liệu người dùng	Nhấn để xóa dữ liệu người dùng trên thiết bị.
Khởi động lại thiết bị	Nhấn để khởi động lại thiết bị.
Tắt thiết bị	Nhấn để tắt thiết bị.

3.14. Cài đặt Khác

Tại đây, bạn có thể cài đặt các tùy chọn khác cho thiết bị.

Thông số	Mô tả
Chế độ máy bay	Bật để tắt tất cả các kết nối không dây.
Chế độ tiết kiệm pin	Bật để tiết kiệm pin bằng cách giảm hiệu suất thiết bị.
Chế độ nhà phát triển	Bật để truy cập các tùy chọn dành cho nhà phát triển.
Thông tin pháp lý	Xem thông tin pháp lý về thiết bị.
Giấy phép mã nguồn mở	Xem giấy phép mã nguồn mở của phần mềm.

3.15. Thông tin

Tại đây, bạn có thể xem thông tin về thiết bị.

Thông số	Mô tả
Tên thiết bị	Tên của thiết bị.
Số Serial	Số Serial của thiết bị.
Phiên bản phần cứng	Phiên bản phần cứng của thiết bị.
Phiên bản phần mềm	Phiên bản phần mềm của thiết bị.
Thời gian hoạt động	Thời gian thiết bị đã hoạt động kể từ lần khởi động gần nhất.
Địa chỉ IP	Địa chỉ IP của thiết bị trong mạng.
Địa chỉ MAC	Địa chỉ MAC của thiết bị.
Tên Wi-Fi đang kết nối	Tên của mạng Wi-Fi mà thiết bị đang kết nối.
Cường độ sóng Wi-Fi	Cường độ sóng Wi-Fi hiện tại.

3.16. Thông báo

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.17. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.18. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.19. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.20. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.21. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.22. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.23. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.24. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.25. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.26. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.27. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.28. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.29. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.30. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.31. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.32. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.33. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.34. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.35. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.36. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.37. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.38. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.39. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.40. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.41. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.42. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.43. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.44. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.45. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.46. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.47. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.48. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.49. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.50. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.51. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.52. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.53. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.54. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.55. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.56. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.

3.57. Thông báo (Cont.)

Tại đây, bạn có thể xem các thông báo của thiết bị.

Thông số	Mô tả
Thông báo	Danh sách các thông báo của thiết bị.
Xóa thông báo	Nhấn để xóa thông báo.
Xóa tất cả thông báo	Nhấn để xóa tất cả thông báo.